

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chính sách thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Sóc Trăng

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ, hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BCA ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-BCA ngày 24/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an, về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chính sách thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Phòng Tham mưu Công an tỉnh tại Tờ trình số 83/TT-PV01 ngày 28/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chính sách thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Sóc Trăng đối với thủ tục hành chính sau:

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Căn cứ bãi bỏ	Ghi chú
01	1.002751	Trợ cấp khó khăn đột xuất cho thân nhân hạ sĩ quan, sĩ quan, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân”	Nghị định số 05/2016/NĐ-CP ngày 11/01/2016 của Chính phủ, quy định chế độ, chính sách đối với thân nhân hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân	Chuyển vào bộ TTHC trong nội bộ lực lượng Công an nhân dân

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *all*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- V03, Bộ Công an (để b/c);
- UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND) (để b/c);
- Đ/c Giám đốc CA tỉnh (để b/c);
- PX03 (đăng trên Cổng thông tin điện tử CA tỉnh);
- Lưu: VT, PV01 (Đội 6).TMD(22b).

